

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAM RANH
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08/5/2023
Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAM RANH
TỈNH KHÁNH HÒA**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Huy Hoàng
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án dân sự thụ lý số 57/2023/TLST-HNGĐ ngày 27/3/2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn số 29/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27/4/2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Xuân N - Sinh năm: 1982

Địa chỉ: Thôn BNB, xã HXT, thị xã DH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* *Bị đơn:* Ông Lê Văn T - Sinh năm: 1979

Địa chỉ: 195 đường 22/8, tổ dân phố LH, phường CL, thành phố CR, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Lê Văn T tự nguyện kết hôn năm 2010, được UBND xã HB 2, huyện TH, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 52, quyển số 02 ngày 09/6/2010. Năm 2017 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chồng tôi thường xuyên ăn nhậu, về khuya, đánh đập tôi. Khi tôi và con về nhà ngoại sống ông T cũng chỉ về thăm hỏi cho có lệ, không quan tâm con cái. Chúng tôi đã sống ly thân 06 năm, chúng tôi không còn tình cảm nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Lê Văn T.

Về con chung: Chúng tôi có 02 người con chung là Lê Đỗ Gia H, sinh ngày 02/3/2011 và Lê Đỗ Gia H1, sinh ngày 20/10/2012. Tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Lê Đỗ Gia H 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại văn bản phản hồi ngày 17/4/2023 và bản tự khai ngày 08/5/2023, bị đơn trình bày:*

Tôi và bà Đỗ Thị Xuân N tự nguyện kết hôn năm 2010. Bà Đỗ Thị Xuân N xin ly hôn tôi không đồng ý vì tương lai của hai con chúng tôi.

Về con chung: Chúng tôi có 02 người con chung là Lê Đỗ Gia H, sinh ngày 02/3/2011 và Lê Đỗ Gia H1, sinh ngày 20/10/2012. Tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu bà Đỗ Thị Xuân N cấp dưỡng nuôi. Trong trường hợp giao con cho bà Đỗ Thị Xuân N trực tiếp nuôi dưỡng tôi đồng ý cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng/cháu từ tháng 6 năm 2023.

Tài sản chung: Không có.

** Phát biểu tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cam Ranh kết luận:*

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; Về con chung: Giao các cháu Lê Đỗ Gia H, sinh ngày 02/3/2011 và Lê Đỗ Gia H1, sinh ngày 20/10/2012 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng; Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 228, 238, 320 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh giải quyết ly hôn đối với bị đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vụ án có đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục rút gọn nên áp dụng các quy định về thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục rút gọn tại Chương XVIII của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Đỗ Thị Xuân N và ông Lê Văn T tự nguyện chung sống, kết thành vợ chồng và được UBND xã HB 2, huyện TH, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 52, quyển số 02 ngày 09/6/2010. Do đó, hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của nguyên đơn, bị đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Xuân N và ông Lê Văn T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Thực tế hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện,

có căn cứ và phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Bà Đỗ Thị Xuân N và ông Lê Văn T có 02 con chung là các cháu: Lê Đỗ Gia H, sinh ngày 02/3/2011 và Lê Đỗ Gia H1, sinh ngày 20/10/2012. Bà Đỗ Thị Xuân N và ông Lê Văn T đều có yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Xét thấy: Các con chung đều đang chung sống cùng với mẹ, có nguyện vọng ở với mẹ. Bà Đỗ Thị Xuân N đủ điều kiện để yêu thương con, chăm lo cho việc sinh hoạt, học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con. Do đó, việc giao các cháu Lê Đỗ Gia H, sinh ngày 02/3/2011 và Lê Đỗ Gia H1, sinh ngày 20/10/2012 cho bà Đỗ Thị Xuân N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đỗ Thị Xuân N yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Lê Đỗ Gia H 3.000.000 đồng/tháng; ông Lê Văn T đồng ý cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng/cháu từ tháng 6 năm 2023. Do đó, căn cứ các Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận ý kiến của bị đơn, ông Lê Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/tháng/cháu (Một triệu đồng một tháng cho một cháu) kể từ tháng 6 năm 2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Đỗ Thị Xuân N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Bà Đỗ Thị Xuân N chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:**

- Các Điều 28, 228, 238, 316, 317, 320, 321, 322 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Xuân N được ly hôn ông Lê Văn T.

2. Về con chung:

Bà Đỗ Thị Xuân N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung là cháu Lê Đỗ Gia H, sinh ngày 02/3/2011 và cháu Lê Đỗ Gia H1, sinh ngày 20/10/2012.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Lê Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Lê Đỗ Gia H 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng

một tháng); cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Lê Đỗ Gia H1 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng một tháng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Lê Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Bà Đỗ Thị Xuân N phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về “Ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0000496 ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cam Ranh.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

** Quy định chung:*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp. Cam Ranh;
- Chi cục THADS Tp. Cam Ranh;
- UBND xã Hòa Bình 2, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huy Hoàng